

8. PKŽ MSK, 22.10.2022			
	délka	převýšení	kontrol
D10N	1,9	20	8
D10C	2,3	15	12
D12C	3,1	30	16
D14C	3,3	45	18
D16C	3,6	70	17
D18C	4,5	120	23
D21C	4,6	130	24
D35C	4,3	115	24
D45C	4,2	90	19
D55C	3,8	70	18
D65C	3,2	35	18
H10N	1,9	20	8
H10C	2,5	20	15
H12C	3,3	45	18
H14C	3,6	70	17
H16C	4,5	120	23
H18C	4,9	110	24
H21C	5,4	135	28
H35C	5,2	110	25
H45C	4,6	125	24
H55C	4,2	90	18
H65C	3,8	70	17
H70C	3,2	35	18
HDR	1,9	20	8
P	3,3	35	16